

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 - 3 - 2022  
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và  
gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Công Mười.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thanh và ông Đàm Chí Thân

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB – TA ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn M1, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. (*vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt*).

**- Bị đơn:** Anh Trần Thế D, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. (*đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Trần Thế D kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23 tháng

3 năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D mãi chơi cờ bạc làm thất thoát kinh tế gia đình, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, động viên nhưng không có kết quả. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Thế D.

Về con chung: Chị và anh Trần Thế D có một con chung là cháu Trần Nguyên A, sinh ngày 08/02/2016. Khi ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Thế D không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Trần Thế D nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị H đã có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh D vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản làm việc ngày 27/12/2021 bố đẻ anh Trần Thế D là ông Trần Thế T cho biết: Anh Trần Thế D có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Ông T đã nhận thay anh D các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo lại cho anh D việc Tòa án thụ lý vụ án, thời gian Tòa án triệu tập nhưng do anh D đi làm không có thời gian đến Tòa án làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông T cho biết chị H và anh D kết hôn hợp pháp vào ngày 23/3/2015. Quá trình chung sống do vợ chồng còn trẻ chưa có sự thông cảm chia sẻ với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Ngoài ra do anh D không tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi cờ bạc nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 27/12/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị H và anh D cư trú thấy:

Về tình trạng hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23 tháng 3 năm 2015. Quá trình chung sống chị H và anh D hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Ngoài ra, do anh D không tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi cờ bạc làm thất thoát kinh tế gia đình, chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Trần Thế D. Giao con chung Trần Nguyên A, sinh ngày 08/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

### [1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền xét xử của Tòa án:** Chị Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thế D có địa chỉ tại khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- **Về việc xét xử vắng mặt đương sự:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai

nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Thế D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23 tháng 3 năm 2015. Do vậy hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Thế D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị H và anh D xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau mỗi người sống một nơi, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sống, không ai quan tâm tới ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Thế D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của chị H và anh D đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh D đã sống ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, bản thân anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh D không cố gắng để tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này. Anh D cũng không có bất cứ biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Vì vậy, việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Thế D có một con chung là cháu Trần Nguyên A, sinh ngày 08/02/2016. Hiện tại cháu Nguyên A có sức khỏe tốt và đang ở cùng chị H. Chị H có quan điểm đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị H làm việc tự do với mức thu nhập là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)/một tháng, đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh D vắng mặt không có lý do, anh D cũng không có quan điểm gì về con chung. Ngoài ra, cháu Nguyên A còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của các cháu về sức khỏe, tâm lý. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

đến khi con chung thành niên. Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Chị H và anh D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Thế D.

- Về con chung: Giao con chung Trần Nguyên A, sinh ngày 08/02/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Trần Thế D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0010556 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Thế D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND phường M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Công Mười**

